

tác dụng bắt xe cộ đứng lại ở ngoài thiết bị chặn đường.

— Tuyệt đối không được để tín hiệu đường bộ và tín hiệu đường sắt cùng một lúc có tác dụng cho hai loại xe cùng qua đường ngang.

Điều 9. — Tuyệt đối cấm nhân dân và những người sử dụng đường bộ làm cản trở công việc của người gác đường ngang, tụ họp hoặc dừng lại trong phạm vi đường ngang và không được tự động sử dụng những thiết bị và tín hiệu đường ngang.

Điều 10. — Trên các cầu chung đã được quy định là đường ngang thì những đàn súc vật, xe cút kít, xe xích lô, xe ba gác, xe bò, xe ngựa, xe ô-tô chỉ có thể mỗi lần đi theo một chiều theo sự điều khiển của người gác cầu, trừ trường hợp có thể lệ riêng ấn định trong nghị định thành lập cầu chung. Những xe cộ mà trọng lượng tổng cộng (trọng lượng xe không và trọng tải) to hơn trọng lượng được phép qua cầu chung thì không được chạy qua cầu, trừ trường hợp có giấy phép do ông Chủ nhiệm Tổng cục Đường sắt cấp.

Điều 11. — Nhân dân sử dụng cầu chung đã được quy định là đường ngang (những người bộ hành, lái xe, người dắt súc vật) phải tuân theo hiệu lệnh của người gác cầu.

Điều 12. — Đối với các cầu chung có nhịp cầu quay để cho tàu, ca-nô, thuyền đi lại trên sông được dễ dàng, việc qua lại trên cầu bắt buộc phải tuân theo những thể lệ sau đây :

a) Khi nhịp cầu quay chưa trở lại và chưa được ấn định ở vị trí bảo đảm giao thông trên cầu, thiết bị chặn đường ở hai đầu cầu và các tín hiệu đường bộ, đường sắt phải có tác dụng bắt buộc dừng xe lửa, các xe khác và nhân dân sử dụng đường bộ phải đứng lại ở ngoài phạm vi cầu chung.

b) Việc mở nhịp cầu quay cho giao thông đường thủy chỉ có thể làm vào những giờ đã ấn định trong một quy định của Tổng cục Đường sắt, niêm yết hai bên đầu cầu.

— Trong bất cứ trường hợp nào, giao thông đường sắt trên cầu phải được lập lại 20 phút trước giờ xe lửa qua, theo bản giờ tàu hiện hành.

— Những tàu thủy, ca-nô và thuyền muốn xin mở dịp cầu quay phải bỏ neo để đứng lại cách cầu 100 mét, kéo còi hoặc ra hiệu xin mở cầu và chỉ được tiến lên để qua cầu khi người phụ trách mở cầu ra hiệu lệnh cho qua cầu.

— Những hoa tiêu tàu thủy, ca-nô phải tuyệt đối tuân theo hiệu lệnh của người phụ trách mở cầu.

Điều 13. — Đối với những đường ngang loại B, những biện pháp chi tiết để thi hành thể lệ an ninh ấn định trong nghị định này hay trong nghị định thành lập đường ngang, phải do ông Chủ nhiệm Tổng cục Đường sắt quy định được ông Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện thông qua. Quy định này phải được niêm yết ở hai đầu cầu và ở đường ngang.

Điều 14. — Tùy theo trường hợp nặng nhẹ, người vi phạm sẽ bị :

— Phê bình, cảnh cáo,

— Bồi thường thiệt hại nếu đã gây ra thiệt hại cho nhân dân hoặc cho Nhà nước.

Nếu vi phạm gây ra tai nạn, làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, tính mệnh và tài sản của nhân dân, can phạm bị truy tố trước tòa án và trừng trị theo hình luật chung.

Điều 15. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, ông Chủ nhiệm Tổng cục đường sắt, ông Giám đốc Nha Giao thông, ông Giám đốc Cục Vận tải đường thủy chiếu nghị định thi hành.

Hà nội, ngày 2 tháng 10 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện

Thủ trưởng

NGUYỄN HỮU MAI

NGHỊ ĐỊNH số 307-NĐ ngày 2-10-1957
đặt thêm nhiệm vụ ngoại dịch cho Ty
Bưu điện Hải ninh (Việt nam) với Bưu
cục Tung Hinh (Trung quốc).

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ hiệp định Bưu chính Việt — Trung ngày 24 tháng 12 năm 1954 ;

Căn cứ sự thỏa thuận giữa Bộ Giao thông và Bưu điện nước Việt nam dân chủ cộng hòa và Bộ Bưu điện nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa về việc quy định thêm Bưu cục ngoại dịch Hải ninh (Việt nam) và Tung Hinh (Trung quốc),

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Nay thêm nhiệm vụ ngoại dịch cho Ty Bưu điện Hải ninh để trao đổi túi gửi thư tin thường và bảo đảm với bưu cục Tung Hinh (Trung quốc).

Điều 2. — Việc trao đổi túi gửi thư giữa hai bưu cục Hải ninh và Tung Hinh bắt đầu từ ngày 4 tháng 10 năm 1957.

Điều 3. — Ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện và ông Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện chiếu nghị định thi hành.

Hà nội, ngày 2 tháng 10 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện

Thứ trưởng

NGUYỄN HỮU MAI

BỘ THỦY LỢI VÀ KIẾN TRÚC

NGHỊ ĐỊNH số 688-ND ngày 28-9-1957
thành lập một ban Quản trị nông
giang Nam Nghệ an trực thuộc Ủy
ban Hành chính tỉnh Nghệ an.

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY LỢI VÀ KIẾN TRÚC

Căn cứ nghị định số 44 ngày 23-12-1955 tổ chức việc
quản lý các hệ thống nông giang:

Theo đề nghị của Ủy ban Hành chính Liên khu 4;
Bộ Nội vụ thỏa thuận,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập một ban Quản trị,
trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh Nghệ an, để
quản lý hệ thống nông giang Nam Nghệ an.

Điều 2. — Nhiệm vụ và quyền hạn của ban
Quản trị ấy là:

a) **Nhiệm vụ:** Quản lý nước: xây dựng nội
quy sử dụng nông giang, sử dụng máy bơm cũng
các công trình phụ thuộc, đặt kế hoạch tưới nước,
phân phối điều hòa nước, phòng hạn, chống úng
thủy và chống mặn trong hệ thống, đề bảo đảm
mùa màng được tốt.

Bảo vệ và phát triển công trình: tu bổ thường
xuyên, bảo vệ nhà máy, và các công trình trong hệ
thống, nghiên cứu phát triển công trình, tăng diện
tích được tưới, hạ giá thành quản lý.

Bảo đảm giao thông vận tải đường thủy trên
các kênh lớn.

Nghiên cứu thủy văn, thí nghiệm tưới ruộng,
đăng ký ruộng được tưới, điều tra tình hình sản
xuất, đề luôn luôn cải tiến việc tưới ruộng.

b) **Quyền hạn:** Giải quyết những vấn đề thuộc
về công tác quản lý hệ thống theo chủ trương của
Ủy ban Hành chính tỉnh và của trên, cụ thể là:

Sử dụng nhân lực và tài chính theo quy định
của trên.

Sử dụng và giúp Ủy ban Hành chính tỉnh quản
lý những cán bộ, nhân viên trong biên chế bộ máy
quản lý hệ thống, được khen thưởng và đề nghị
khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc những cán bộ,
nhân viên trong biên chế bộ máy quản lý.

Triệu tập các cuộc họp thường kỳ và bất
thường của Hội đồng quản trị hệ thống.

Giao thiệp với các cơ quan chính quyền, đoàn
thể ở những địa phương có nông giang đi qua và
các cơ quan trong tỉnh có liên quan để trao đổi ý
kiến hoặc yêu cầu giúp đỡ giải quyết những vấn
đề có liên quan đến công tác quản lý hệ thống.

Điều 3. — Thành phần ban Quản trị là:

Một Trưởng ban phụ trách chung.

Một Phó ban giúp Trưởng ban.

Trong hai chức vụ trên, có một cán bộ chính
trị trực tiếp phụ trách công tác chính trị, một cán
bộ kỹ thuật trực tiếp phụ trách công tác kỹ thuật.

Một ủy viên phụ trách cung tài.

Điều 4. — Giúp việc ban Quản trị có các bộ
phận hành chính, cung tài, kỹ thuật ở các hạt Nghi
lộc, Hưng nguyên, Nam đàu mỗi nơi tùy nhu cầu,
sẽ có một số cán bộ kỹ thuật, chính trị và công
nhân điều khiển máy, đóng mở cống, hướng dẫn
nhân dân bảo vệ hệ thống và phân phối, sử dụng
nước cho đúng nội quy.

Điều 5. — Các ông Chủ tịch Ủy ban Hành
chính Liên khu 4, Chủ tịch Ủy ban Hành chính
tỉnh Nghệ an, Giám đốc Cục Quản lý công trình,
Giám đốc Khu Thủy lợi và Kiến trúc Liên khu 4
và ông Chánh văn phòng Bộ Thủy lợi và Kiến trúc
có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 28 tháng 9 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Kiến trúc

TRẦN ĐĂNG KHOA

BỘ NÔNG LÂM

NGHỊ ĐỊNH số 18-NL/ND ngày 26-9-1957
thành lập Trại thí nghiệm chăn nuôi
trâu bò Ngọc thanh thuộc Viện Khảo
cứu chăn nuôi.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG LÂM

Căn cứ nghị định số 02-NL/QT/ND ngày 17-2-1955 tổ
chức các cơ quan trung ương thuộc Bộ Nông lâm:

Căn cứ nghị định số 04-NL/QT/ND ngày 23-2-1955
thành lập Viện Khảo cứu nông lâm:

Căn cứ chỉ thị số 53-NL/CT ngày 15-11-1956 tách Viện
Khảo cứu nông lâm thành hai Viện: Viện Khảo cứu trồng
trọt và Viện Khảo cứu chăn nuôi,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập Trại thí nghiệm chăn
nuôi trâu bò Ngọc thanh thuộc Viện Khảo cứu chăn